

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ngày nộp 10/4/2012

Nguyễn Duy Hải

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 – 21

TRÁI
700

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Số 200/8 Nguyễn Sơn - Gia Lâm - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đức Khánh	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Hữu Tuất	Ủy viên HĐQT	
Ông Hoàng Ngọc Thái	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Danh	Ủy viên HĐQT	
Ông Vũ Long	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/10/2011
Ông Hoàng Hải	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/10/2011

Ban Giám đốc

Ông Vũ Long	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/10/2011
Ông Hoàng Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/10/2011
Ông Dương Mạnh Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Phan Văn Minh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/12/2011
Ông Nguyễn Văn Thế	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/12/2011

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Số: 093 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Hàng không

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011 cùng với báo cáo quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập ngày 10/03/2012 của Công ty Cổ phần Công trình Hàng không (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 21. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo của kiểm toán viên đề ngày 22/06/2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế trong phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

Công ty đã thực hiện các thủ tục đối chiếu xác nhận số dư phải thu khách hàng, khách hàng ứng trước, phải thu khác, phải trả khác tại ngày 31/12/2011, tuy nhiên Công ty chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận. Các thủ tục kiểm toán thay thế đã được thực hiện nhưng chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản phải thu khách hàng, khách hàng ứng trước, phải thu khác, phải trả khác tại ngày 31/12/2011.

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty chưa thực hiện phân tích tuổi nợ, bản chất và đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác và tạm ứng làm cơ sở cho việc xử lý công nợ tồn đọng cũng như trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị các khoản dự phòng cần phải trích lập và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Công ty đang áp dụng quy chế tạm ứng, giao khoán cho các đội thi công công trình đã ban hành từ năm 2002 (thời điểm trước khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần). Sau thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần cho đến nay, chưa có văn bản nào của Công ty đề cập đến việc kế thừa quy chế này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Hiện nay, Công ty giao khoán cho các đội thi công, các nghiệp vụ ứng tiền và ghi nhận số phải trả cho các đội được thực hiện qua tài khoản tạm ứng và phải trả phải nộp ngắn hạn khác. Theo đó, các đội tự theo dõi công nợ phải trả nhà cung cấp, Công ty không ghi nhận công nợ phải trả nhà cung cấp trên báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính đầy đủ cũng như nghĩa vụ của Công ty đối với công nợ phải trả nhà cung cấp trong báo cáo tài chính năm 2011.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Không thống nhất trong xử lý kế toán

Một số công trình ghi nhận doanh thu năm 2011 căn cứ theo báo cáo kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (báo cáo này là của chủ đầu tư) mà chưa có nghiệm thu thanh toán khối lượng, với giá trị khoảng 518 triệu, tương ứng giá vốn là 499 triệu. Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam doanh thu trong năm sẽ giảm đi 518 triệu và giá vốn sẽ giảm là 499 triệu.

Một số công trình ghi nhận doanh thu năm 2011 nhưng chưa có đầy đủ chứng từ, như quyết toán công trình, nghiệm thu thanh toán khối lượng với chủ đầu tư, với tổng giá trị là 6,1 tỷ. Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì doanh thu năm 2011 sẽ giảm đi khoảng 6,1 tỷ, giá vốn sẽ giảm đi 5,8 tỷ, lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi 260 triệu.

Một số công trình đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu từ năm 2010 trở về trước nhưng Công ty ghi nhận doanh thu năm 2011 với tổng doanh thu là 2 tỷ, giá vốn 1,7 tỷ. Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì doanh thu năm 2011 sẽ giảm đi khoảng 2 tỷ, giá vốn sẽ giảm đi 1,7 tỷ, lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi 300 triệu.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng vi phạm chế trong phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1450/KTV

56
T
H
Đ
Đ
Đ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		101.724.804.857	122.608.795.650
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.068.426.629	12.630.882.419
1.	Tiền	111		7.502.683.629	12.630.882.419
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.565.743.000	-
II-	Các khoản phải thu	130		20.561.775.011	27.916.986.251
1.	Phải thu của khách hàng	131	6	22.270.846.944	29.535.956.393
2.	Trả trước cho người bán	132		-	5.148.000
3.	Các khoản phải thu khác	135	7	2.273.021.459	1.964.973.526
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.982.093.392)	(3.589.091.668)
III-	Hàng tồn kho	140	8	38.172.630.356	51.370.588.276
1.	Hàng tồn kho	141		38.172.630.356	51.370.588.276
IV-	Tài sản ngắn hạn khác	150		30.921.972.861	30.690.338.704
1.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	8.450.965
2.	Tài sản ngắn hạn khác	158	9	30.921.972.861	30.046.253.740
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260+269)	200		4.992.225.342	6.024.329.372
I-	Tài sản cố định	220		4.758.563.650	5.963.701.762
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.648.163.650	5.962.451.762
-	Nguyên giá	222		21.060.979.440	21.069.693.895
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.412.815.790)	(15.107.242.133)
2.	Tài sản cố định vô hình	227		110.400.000	1.250.000
-	Nguyên giá	228		153.000.000	15.000.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.600.000)	(13.750.000)
II-	Tài sản dài hạn khác	260		233.661.692	60.627.610
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		233.661.692	60.627.610
III-	Lợi thuế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		106.717.030.199	128.633.125.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		77.102.273.283	98.121.469.405
I-	Nợ ngắn hạn	310		76.995.578.233	97.932.893.909
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	11	5.244.185.410	8.848.043.234
2.	Phải trả cho người bán	312		1.298.167.997	851.188.380
3.	Người mua trả tiền trước	313	12	31.722.335.204	43.756.191.324
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.333.794.191	2.223.344.871
5.	Phải trả người lao động	315		672.244.963	773.802.363
6.	Chi phí phải trả	316	14	5.016.561.467	9.278.553.123
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	30.595.800.024	32.130.610.012
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		112.488.977	71.160.602
II-	Nợ dài hạn	330		106.695.050	188.575.496
1.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		14.795.790	96.676.236
2.	Doanh thu chưa thực hiện	338		91.899.260	91.899.260
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		29.614.756.916	30.511.655.617
I-	Vốn chủ sở hữu	410	16	29.614.756.916	30.511.655.617
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.527.685.865	26.527.685.865
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		45.612.951	-
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		392.138.556	392.138.556
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.649.319.544	3.591.831.196
C-	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)		440		106.717.030.199	128.633.125.022



Vũ Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Tạ Quốc Thành
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	95.665.709.151	117.493.990.732
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ... (10=01-02)	10		95.665.709.151	117.493.990.732
4. Giá vốn hàng bán	11	18	89.818.962.807	110.462.804.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.846.746.344	7.031.186.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.152.205.348	2.129.565.672
7. Chi phí tài chính	22	20	1.181.632.720	1.759.812.846
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.181.632.720	1.759.812.846
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.213.725.021	8.460.957.463
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		603.593.951	(1.060.018.247)
11. Thu nhập khác	31		155.554.666	3.275.944.010
12. Chi phí khác	32		650.382.924	973.176.690
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(494.828.258)	2.302.767.320
14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		108.765.693	1.242.749.073
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	137.153.719	330.490.061
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(28.388.026)	912.259.012
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		(28.388.026)	912.259.012
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(11)	344



Vũ Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Tạ Quốc Thành
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	100.556.463.840	154.107.583.673
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(83.160.458.505)	(133.537.663.316)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(5.446.422.019)	(6.016.686.086)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(1.180.940.826)	(190.184.901)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(350.204.789)	(214.682.324)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.508.867.979	3.159.744.193
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9.781.003.283)	(14.886.422.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.146.302.397	2.421.688.446
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(138.000.000)	(110.659.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.000.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	11.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	153.954.451	534.587.822
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.954.451	8.423.928.004
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.890.766.156	35.469.830.621
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.494.623.980)	(41.869.002.223)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(120.854.814)	(1.190.718.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.724.712.638)	(7.589.889.953)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(562.455.790)	3.255.726.497
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	12.630.882.419	9.375.155.922
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	12.068.426.629	12.630.882.419



Vũ Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Tạ Quốc Thành
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Hàng không (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3546/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005. Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011000 ngày 01/03/2006; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 30/11/2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 101 người (tại ngày 31/12/2010 là: 112)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Mua bán, lắp đặt hệ thống máy tính, sản xuất phần mềm tin học, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi, thiết kế web và dịch vụ quản lý máy tính;
- Sản xuất gia công các sản phẩm cơ khí;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các sản phẩm cơ khí, nội ngoại thất công trình, các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng, quản lý, vận hành và kinh doanh lưới điện phân phối từ 35 KV trở xuống;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông, vận tải.

Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Tân Sơn	Số B80, Đường Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Các bên liên quan

- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam
- Các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Hàng không Việt Nam
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm nay, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty được hợp nhất trong báo cáo tài chính được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Thiết bị quản lý	03 – 05
Phương tiện vận tải	06 – 10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định là phần mềm kế toán, được khấu hao trong 5 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Là các khoản công cụ dụng cụ thời gian sử dụng trên 1 năm được phân bổ dựa vào thời gian sử dụng của công cụ dụng cụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản trích trước vào chi phí, như: chi phí lãi vay chi phí xây lắp các công trình.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở số vốn góp thực tế.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối cho các cổ đông và trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và theo điều lệ Công ty.

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo 2 trường hợp:

(a) Trường hợp trong hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa.

Phần công việc hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

(b) Trường hợp trong hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	377.837.956	310.531.080
- Tiền gửi ngân hàng	7.124.845.673	12.320.351.339
- Các khoản tương đương tiền (*)	4.565.743.000	-
	<u>12.068.426.629</u>	<u>12.630.882.419</u>

Ghi chú:

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị Hồ Chí Minh	2.228.513.226	2.228.513.226
BQLDA huyện Đông Anh	2.094.001.000	-
BQLDA Q12 TP. Hồ Chí Minh	1.946.407.847	2.713.499.000
Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản Hồ Chí Minh	1.779.183.410	1.779.183.410
Sở văn hóa thể thao và du lịch Thành Phố	1.778.524.774	-
Công ty Cổ phần Traenco - Bộ Giao thông	1.305.387.798	2.305.387.798
BQLDA Mỹ Thuận	1.189.580.238	3.550.012.212
BQLDA ĐTXD công trình Quận 9	601.900.340	3.945.982.534
Các đối tượng khác	9.347.348.311	13.013.378.213
	22.270.846.944	29.535.956.393

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu BHXH, KPCĐ	244.409.825	197.593.820
Phải thu truy thu thuế các đội (i)	449.269.979	-
Phải thu truy thu thuế khác (ii)	333.473.937	-
Phải thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	107.100.000	-
Phải thu chi phí thuê ngoài công trình Hoàng Diệu	220.474.100	220.474.100
Phải thu khác	918.293.618	1.546.905.606
	2.273.021.459	1.964.973.526

Ghi chú:

(i) Phải thu truy thu thuế các đội là khoản Công ty xác định phải thu các đội là một phần của số thuế truy thu được quyết toán bởi cơ quan thuế. Khoản phải thu này chưa được các đội xác nhận.

(ii) Phải thu truy thu thuế khác, Công ty đang xem xét trách nhiệm của các đội thi công để yêu cầu các đội phải thanh toán.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.172.630.356	51.370.588.276
Cộng	38.172.630.356	51.370.588.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	38.172.630.356	51.370.588.276

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
- Tạm ứng	30.921.972.861	30.046.253.740
	30.921.972.861	30.046.253.740

Trong số dư tạm ứng trên có một phần là khoản mà Công ty tính lãi các đội thi công do các đội đã tạm ứng cao hơn số chủ đầu tư ứng cho Công ty. Khoản lãi phải thu này chưa được các đội xác nhận với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 31/12/2010	2.357.006.426	15.853.157.802	2.566.440.468	293.089.199	21.069.693.895
Tăng trong kỳ	-	-	-	17.658.545	17.658.545
- Mua sắm mới	-	-	-	17.658.545	17.658.545
Giảm trong kỳ	-	26.373.000	-	-	26.373.000
- Thanh lý nhượng bán	-	26.373.000	-	-	26.373.000
Số dư tại 31/12/2011	2.357.006.426	15.826.784.802	2.566.440.468	310.747.744	21.060.979.440
HAO MÒN LUYỄN KẾ					
Số dư tại 31/12/2010	1.685.000.394	11.032.499.069	2.207.816.750	181.925.920	15.107.242.133
Tăng trong năm	263.344.764	832.328.247	202.213.056	34.060.590	1.331.946.657
- Trích khấu hao trong kỳ	263.344.764	832.328.247	202.213.056	28.924.613	1.326.810.680
- Điều chỉnh và khác	-	-	-	5.135.977	5.135.977
Giảm trong năm	-	26.373.000	-	-	26.373.000
- Thanh lý nhượng bán	-	26.373.000	-	-	26.373.000
Số dư tại 31/12/2011	1.948.345.158	11.838.454.316	2.410.029.806	215.986.510	16.412.815.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 31/12/2010	672.006.032	4.820.658.733	358.623.718	111.163.279	5.962.451.762
Số dư tại 31/12/2011	408.661.268	3.988.330.486	156.410.662	94.761.234	4.648.163.650

Tổng Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 8.725.250.040 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.244.185.410	8.848.043.234
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	5.244.185.410	6.374.983.837
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hồ Chí Minh	-	2.473.059.397
	5.244.185.410	8.848.043.234

Ghi chú:

(i) Hợp đồng số 04-2011/CNCD-CTHK ngày 14/7/2011, hạn mức: 8.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay ghi trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 3 tháng, riêng với chi phí liên quan đến hoạt động bảo trì, nâng cấp hệ thống điện thời hạn tối đa không quá 12 tháng, lãi suất thả nổi, cho vay không đảm bảo bằng tài sản áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung.

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh	10.554.383.072	5.650.385.963
BQLDA Tả Ngạn	5.096.290.507	5.194.929.507
BQLDA Duy tu Hạ tầng Giao thông - Sở Giao thông Hà Nội	4.565.000.000	-
Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 12	2.718.252.660	3.221.958.660
Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị TP Hồ Chí Minh	2.590.543.975	2.586.517.620
Công ty thuốc lá Long An	2.185.018.284	-
Công ty In Hàng Không	1.141.419.360	670.000.000
BQLDA huyện Đông Anh	-	7.946.305.000
Các đối tượng khác	2.871.427.346	18.486.094.574
	31.722.335.204	43.756.191.324

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	1.629.140.680	1.970.443.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp	354.072.184	193.409.822
Thuế thu nhập cá nhân	14.026.959	35.870.160
Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	65.347.000	-
Thuế và phí khác	271.207.368	23.620.916
	2.333.794.191	2.223.344.871

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp các công trình	5.001.702.942	9.264.386.492
Lãi vay phải trả	14.858.525	14.166.631
	5.016.561.467	9.278.553.123

Công ty chưa trích lập dự phòng bảo hành công trình. Trong hợp đồng giao khoán cho các đội chưa đề cập đến chi phí bảo hành công trình là trách nhiệm của các đội hay của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định chi phí bảo hành công trình là trách nhiệm của các đội thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	173.742.888	175.538.799
Cổ tức phải trả (i)	606.458.943	-
Phải trả, phải nộp khác	2.040.901.839	2.097.681.778
Dư có tạm ứng (ii)	27.774.696.354	29.857.389.435
	<u>30.595.800.024</u>	<u>32.130.610.012</u>

- (i) Cổ tức phải trả là phần cổ tức năm 2010 chưa thanh toán cho cổ đông theo Nghị quyết ngày 26/10/2011 của Đại hội đồng cổ đông.
- (ii) Dư có tạm ứng là các khoản phải trả cho các đội thi công công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 31/12/2009	26.527.685.865	21.527.149	312.274.569	4.094.339.567	30.955.827.150
<i>Tăng trong năm trước</i>	-	-	79.863.987	912.259.012	992.122.999
Lãi trong năm trước	-	-	-	912.259.012	912.259.012
Trích các quỹ và tăng khác	-	-	79.863.987	-	79.863.987
<i>Giảm trong năm trước</i>	-	21.527.149	-	1.414.767.383	1.436.294.532
Trích các quỹ và giảm khác	-	21.527.149	-	1.414.767.383	1.436.294.532
Số dư ngày 31/12/2010	26.527.685.865	-	392.138.556	3.591.831.196	30.511.655.617
<i>Tăng trong kỳ này</i>	-	45.612.951	-	(28.388.026)	17.224.925
Lỗ trong năm	-	-	-	(28.388.026)	(28.388.026)
Trích các quỹ	-	45.612.951	-	-	45.612.951
<i>Giảm trong kỳ này</i>	-	-	-	914.123.626	914.123.626
Trích các quỹ (i)	-	-	-	126.768.290	126.768.290
Chia cổ tức (i)	-	-	-	727.313.757	727.313.757
Giảm do hợp nhất và khác	-	-	-	60.041.579	60.041.579
Số dư ngày 31/12/2011	26.527.685.865	45.612.951	392.138.556	2.649.319.544	29.614.756.916

Ghi chú:

- (i) Theo nghị quyết ngày 26/10/2011 của Đại hội đồng cổ đông thì lợi nhuận của năm tài chính 2010 được phân phối vào quỹ đầu tư phát triển là: 45.612.951 đồng, phân phối vào quỹ khen thưởng phúc lợi là: 81.155.339 đồng và chia cổ tức là 727.313.757 đồng.
- (ii) Giảm khác là khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2009 vào quỹ khen thưởng phúc lợi và giảm do hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 26.527.685.865 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp là: 26.527.685.865 VND

Cổ đông	Theo Giấy đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại 31/12/2011	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	17.119.690.000	64,54%	17.119.690.000	64,54%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	5.000.000.000	18,85%	5.000.000.000	18,85%
Các cổ đông khác	4.407.995.865	16,62%	4.407.995.865	16,62%
Cộng	26.527.685.865	100%	26.527.685.865	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2011	31/12/2010	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.652.769	2.652.769	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	2.652.769	2.652.769	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.652.769	2.652.769	cổ phiếu

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	60.126.984.948	83.576.441.273
Doanh thu kinh doanh điện	28.312.878.459	31.394.014.017
Doanh thu khác	7.225.845.744	2.523.535.442
	95.665.709.151	117.493.990.732

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	57.990.986.028	79.846.348.035
Giá vốn kinh doanh điện	26.586.336.749	28.361.025.801
Giá vốn khác	5.241.640.030	2.255.430.506
	89.818.962.807	110.462.804.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi ứng vốn cho đội thi công	2.152.205.348	2.129.565.672
	2.152.205.348	2.129.565.672

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	1.181.632.720	1.759.812.846
	1.181.632.720	1.759.812.846

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế Công ty mẹ</i>	<i>158.143.207</i>	<i>1.157.594.086</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	133.085.829	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	102.966.261	-
Khấu hao đã trích năm trước	30.119.568	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	469.968.748	74.523.273
Khoản truy thu và phạt vi phạm nộp thuế	356.968.748	523.273
Thu nhập Hội đồng quản trị	113.000.000	74.000.000
Thu nhập chịu thuế	495.026.126	1.232.117.359
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty mẹ	123.756.532	308.029.340
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế Công ty con</i>	<i>53.588.747</i>	<i>85.154.987</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	4.687.900
Thu nhập chịu thuế	53.588.747	89.842.887
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty con	13.397.187	22.460.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	137.153.719	330.490.061

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, ngoài các khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	(28.388.026)	912.259.012
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (2)	2.652.769	2.652.769
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	(11)	344
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2011 VND</u>
Cung cấp hàng hóa dịch vụ	
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	8.378.570.336
Các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	16.127.412.819

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2011 VND</u>
Phải thu khách hàng	
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	247.285.177
Các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.370.374.571
Khách hàng ứng trước	
Các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.954.704.611

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	<u>Năm 2011 VND</u>
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	417.983.291

24. THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Khoản mục tạm ứng và phải thu khác của kỳ báo cáo trước được phân loại do Công ty đã bù trừ dư nợ và dư có của khoản mục tạm ứng.

	Trình bày lại trên báo cáo 2011 VND	Trình bày trên báo cáo 2010 VND
Bảng cân đối kế toán		
Tạm ứng	30.046.253.740	188.864.305
Phải trả phải nộp khác	32.130.610.012	2.273.220.577



Vũ Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Tạ Quốc Thành
Kế toán trưởng